TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS-ST
Ngày 31/01/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Tô Văn Mạnh.
Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Minh Thanh
Ông Võ Thành Viên
- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh– Kiểm sát viên.

Ngày 31/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 435/2023/TLST-DS ngày 24/07/2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 611/2023/QĐXXST-DS ngày 18/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á C; Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Bà Hứa Thị K, sinh năm 1993, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 14/06/2023), (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trịnh Quốc T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Quang T, Phường M, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hứa Thị Phương K trình bày:

Ngày 17/06/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Á C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp thẻ tín dụng cho ông Trịnh Quốc T với hạn mức sử dụng là 28.000.000 đồng.

Ngày 29/11/2018, Ngân hàng đã ký kết với ông T hợp đồng tín dụng số VAL.CN.81.291118, theo đó, Ngân hàng cho ông Trịnh Quốc T vay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất là 11%/năm.

Quá trình sử dụng thẻ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 12/10/2021, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ. Đối với khoản vay hợp đồng tín dụng số

VAL.CN.81.291118, ngày 29/11/2022 là ngày đáo hạn nhưng ông T cũng không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, nên Ngân cũng đã chuyển toàn bộ khoản vay chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán các khoản tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 31/01/2024, cụ thể:

Đối với khoản cấp thẻ tín dụng là 27.263.947 đồng tiền gốc và 21.995.103 đồng tiền lãi quá hạn. Tổng cộng là 49.259.050 đồng.

Đối với hợp đồng tín dụng số VAL.CN.81.291118 là 46.031.323 đồng tiền gốc, 19.102.772 đồng tiền lãi trong hạn và 22.598.082 đồng tiền lãi quá hạn. Tổng cộng là 87.732.176 đồng.

Tổng hai khoản nêu trên là 136.991.226 đồng.

Kể từ ngày 01/02/2024, ông T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Trịnh Quốc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngân hàng khởi kiện ông Trịnh Quốc T về hợp đồng tín dụng, ông T có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ "Giấy đề nghị kiêm phương án vay tiêu dùng tín chấp", hợp đồng cấp tín dụng trả góp số VAL.CN.81.29118 ngày 29/11/2018, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện vào ngày 17/06/2017, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là

28.000.000 đồng. Đến ngày 29/11/2018, ông T tiếp tục ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng với khoản vay là 130.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ và thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng chuyển toàn bộ số tiền vay còn thiếu sang nợ quá hạn và khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi quá hạn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Số tiền ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử 31/01/2024, đối với tiền cấp thẻ tín dụng ngày 17/06/2017 là 49.259.050 đồng (Bao gồm nợ gốc là 27.263.947 đồng và tiền lãi là 21.995.103 đồng). Đối với hợp đồng tín dụng số VAL.CN.81.291118, ngày 29/11/2018, số tiền là 87.732.176 đồng (Bao gồm nợ gốc là 46.031.323 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.102.772 đồng và nợ lãi quá hạn là 22.598.082 đồng). Tổng cộng số tiền là 136.991.226 đồng.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông T còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/02/2014 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, buộc bị đơn ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử 31/01/2024 là 136.991.226 đồng (Bao gồm 49.259.050 đồng tiền cấp thẻ tín dụng và 87.732.176 đồng của hợp đồng tín dụng số VAL.CN.81.291118, ngày 29/11/2018, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 6.849.561 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí tạm nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á C do bà Hứa Thị Phương K làm đại diện đối với bị đơn ông Trịnh Quốc T.

Buộc ông Trịnh Quốc T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á C số tiền tính đến ngày xét xử 31/01/2024 là 136.991.226

đồng (Bao gồm 49.259.050 đồng tiền cấp thẻ tín dụng và 87.732.176 đồng của hợp đồng tín dụng số VAL.CN.81.291118, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/02/2024, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Quốc T phải chịu 6.849.651 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần Á C không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền 2.963.459 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012096 ngày 24/07/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q G;
- CCTHADS Q G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Tô Văn Mạnh